

Huyện K, ngày 28 tháng 05 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 05 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 157/2020/TLST-DS ngày 09/12/2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

Ngân hàng thương mại cổ phần T (T);

Trụ sở: Số 191, phố V, phường B, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là:

Ông Hồ J; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của T là:

Bà Phạm Thị O; chức vụ: Giám đốc xử lý nợ.

Theo văn bản ủy quyền số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2017 của T.

Người đại diện theo ủy quyền lại của T là:

1. Ông Hoàng Đức W; chức vụ: Cán xử lý nợ;
2. Bà Trần Thị Hồng R; chức vụ: Cán xử lý nợ;
3. Bà Nguyễn Thị S; Chức vụ: Cán xử lý nợ;

Theo văn bản ủy quyền số 213-03/2021/UQ-TCB ngày 05/4/2021 của T.

Bị đơn:

1. Anh Đào Minh Z, sinh năm 1977;
2. Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1979;
Cùng trú tại: Đội 5, thôn Lê Xá, xã Đa Tốn, huyện K, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đào Hữu Vấn, sinh năm 1945;
2. Bà Trịnh Thị Đoan, sinh năm 1947;
3. Cháu Đào Quế Anh, sinh năm 1999 (con của anh Z và chị T1);
4. Cháu Đào Anh Thư, sinh năm 2005 (con của anh Z và chị T1);
Người đại diện theo pháp luật của cháu Đào Anh Thư là anh Đào Minh Z và chị Nguyễn Thị Thanh T1.
Cùng trú tại: Thôn Lê Xá, xã Đa Tốn, huyện K, thành phố Hà Nội.
5. Anh Đào Phi Hùng, sinh năm 1973;
ĐKKHKT: Thôn Lê Xá, xã Đa Tốn, huyện K, thành phố Hà Nội;
Nơi cư trú: Trung đoàn 64, Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, thôn Quyết Hạ, xã Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Đào Hữu Vấn, bà Trịnh Thị Đoan, cháu Đào Quế Anh và anh Đào Phi Hùng là anh Đào Minh Z.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng tín dụng số 42262/HĐTD/TH-TN/TCB-TLG ngày 11/3/2011, Khế ước nhận nợ số 42262 ngày 11/3/2011, Hợp đồng tín dụng số 49051/HĐTD/TH-TN/TCB-TLG ngày 14/7/2011, Khế ước nhận nợ số 49051 ngày 14/7/2011 và các văn bản kèm theo được giao kết giữa anh Đào Minh Z và chị Nguyễn Thị Thanh T1 với Ngân hàng thương mại cổ phần T chi nhánh

Thăng Long; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ngày 08/3/2011 số công chứng: 1113.2011/HĐTC-TCB tại Văn phòng công chứng Thăng Long và các văn bản kèm theo được giao kết giữa ông Đào Hữu Ván và bà Trịnh Thị Đoan với Ngân hàng thương mại cổ phần T chi nhánh Thăng Long là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

2.2. Cách tính lãi trong hạn và lãi quá hạn được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 42262/HĐTD/TH-TN/TCB-TLG ngày 11/3/2011, Khế ước nhận nợ số 42262 ngày 11/3/2011 và Hợp đồng tín dụng số 49051/HĐTD/TH-TN/TCB-TLG, Khế ước nhận nợ số 49051 ngày 14/7/2011 so với các Quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần T là đúng theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng bắt buộc đối với các bên tham gia giao kết.

2.3. Các bên xác nhận tạm tính đến hết ngày 10/05/2021, anh Đào Minh Z và chị Nguyễn Thị Thanh T1 còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền là: 8.260.000.051 đồng (Tám tỷ, hai trăm sáu mươi triệu, không trăm năm mươi một đồng), bao gồm: 2.816.609.830 đồng nợ gốc và 5.443.390.221 đồng nợ lãi.

2.4. Xác nhận anh Đào Minh Z và chị Nguyễn Thị Thanh T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T toàn bộ tổng số tiền còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần T là: 8.260.000.051 đồng, trong đó: 2.816.609.830 đồng nợ gốc, 3.129.674.019 đồng nợ lãi trong hạn và 2.313.716.202 đồng nợ lãi quá hạn và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/05/2021 trên dự nợ gốc tính theo Hợp đồng tín dụng số 42262/HĐTD/TH-TN/TCB-TLG ngày 11/3/2011, Khế ước nhận nợ số 42262 ngày 11/3/2011 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

Kể từ ngày 11/05/2021 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ, anh Đào Minh Z và chị Nguyễn Thị Thanh T1 còn phải chịu khoản lãi của số tiền nợ gốc còn phải thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 42262/HĐTD/TH-TN/TCB-TLG ngày 11/3/2011 và Khế ước nhận nợ số 42262 ngày 11/3/2011. Z hợp trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nói trên, các bên có thỏa thuận về việc điều

chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Ngân hàng cho vay.

2.5. Z hợp anh Đào Minh Z và chị Nguyễn Thị Thanh T1 thanh toán hết khoản nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần T có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất thế chấp cho ông Đào Hữu Vấn và bà Trịnh Thị Đoan và làm thủ tục giải chấp ngay.

2.6. Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà anh Đào Minh Z và chị Nguyễn Thị Thanh T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án T1 hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 25, tờ bản đồ số 15, tại địa chỉ: Thôn Lê Xá, xã Đa Tốn, huyện K, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 855036, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0158.QSDD/1695 do UBND huyện K cấp ngày 03/11/2003, đã đính chính thông tin chủ sử dụng đất ngày 19/5/2008 đứng tên ông Đào Hữu Vấn và bà Trịnh Thị Đoan theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1113.2011/HĐTC-TCB tại Văn phòng công chứng Thăng Long ngày 08/03/2011, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký Đất và Nhà huyện K ngày 09/03/2011 theo quy định của pháp luật. Diện tích đất và công trình xây dựng trên đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

Z hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ phải di chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Z hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T thì anh Z và chị T1 có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Z hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền anh Z và chị T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả cho ông Đào Hữu Vấn và bà Trịnh Thị Đoan.

2.7. Về án phí sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đào Minh Z và chị Nguyễn Thị Thanh T1 tự nguyện chịu 58.130.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần T 59.831.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng thương mại cổ phần T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0005688 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Như Trọng